

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

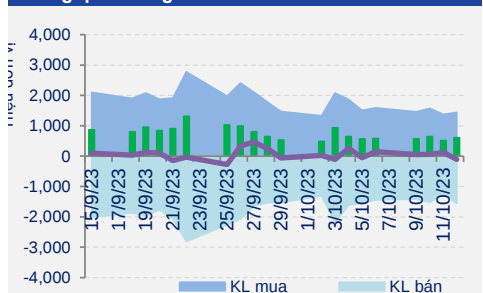
12/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

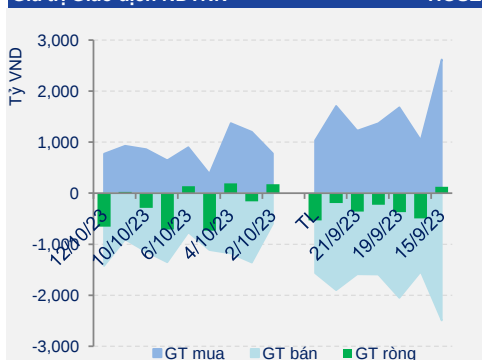
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,151.61	238.44
% Thay đổi	↑ 0.07%	↑ 0.61%
KLGD (CP)	601,225,940	99,893,443
GTGD (tỷ đồng)	14,402.20	2,096.42
Tổng cung (CP)	1,553,119,568	161,982,600
Tổng cầu (CP)	1,442,218,819	136,124,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,960,653	413,346
KL mua (CP)	23,317,937	1,086,000
GT mua (tỷ đồng)	770.58	39.46
GT bán (tỷ đồng)	1,426.75	11.45
GT ròng (tỷ đồng)	(656.17)	28.01

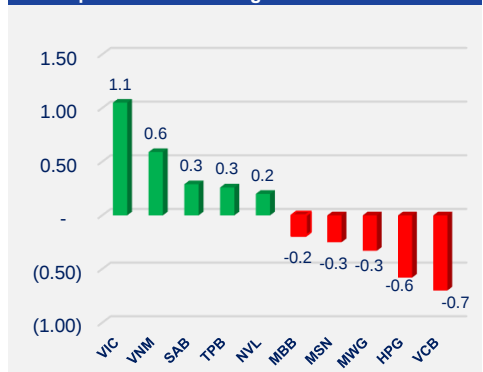
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau khi tăng điểm tích cực phiên trước, VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục tăng điểm hướng đến vùng giá quanh 1.160 điểm sau đó chịu áp lực rung lắc mạnh kiểm tra lại vùng giá thấp nhất tháng 08/2023 với thanh khoản gia tăng hơn. Kết phiên VN-INDEX vẫn duy trì tăng nhẹ 0,80 điểm (+0,07%) lên mức 1.151,61 điểm. HNX-INDEX tích cực hơn tăng 1,44 điểm (+0,61%) lên 238,44 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết khá cân bằng, nghiêng về tích cực với 325 mã tăng giá (21 mã tăng trần), 315 mã giảm giá (11 mã giảm sàn) và 143 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 16.492,6 tỉ đồng, tăng 17,35% so với phiên trước, dưới mức trung bình, cho thấy mức độ phục hồi có cải thiện ở nhóm mã bất động sản, ngân hàng, nhưng vẫn phân hóa mạnh khi thị trường đang trong giai đoạn đón chờ thông tin kết quả kinh doanh quý III/2023. Nhà đầu tư nước ngoài trở lại bán ròng mạnh với giá trị 656,17 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng mạnh nhóm thép và bán lẻ, dịch vụ tài chính, chứng khoán, ngân hàng; duy trì mua ròng tốt trên HNX với giá trị 28,01 tỷ đồng.

Ngày 11/10/2023 Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã công bố biên bản cuộc họp tháng 9 cho biết: “Tất cả các thành viên” đều đồng tình rằng ủy ban có thể “tiến hành (tăng lãi suất) cẩn thận”. Các quyết định chính sách sẽ phụ thuộc vào dữ liệu và phải tính đến “sự cân bằng rủi ro”. Biên bản cho thấy các quan chức FED đang tiến gần hơn đến chính sách cân bằng. Trong đó, nguy cơ thắt chặt quá mức và suy thoái kinh tế sẽ được cân nhắc trước tình trạng lạm phát kéo dài trên mức 2%. Biên bản lưu ý rằng “đa số” các quan chức FED nhận thấy tăng lãi suất thêm một lần nữa là “phù hợp” để giúp hạ nhiệt nhu cầu chi tiêu và đưa lạm phát về gần mức mục tiêu 2% trong 2 năm tới. Trong khi đó, “một số” nói “không” với đợt tăng lãi suất khác.

Thanh khoản thị trường đã cải thiện hơn khi nhóm cổ phiếu, vốn chiếm tỉ trọng lớn đã phục hồi khá tốt, nhiều mã tăng mạnh, thanh khoản cải thiện trên mức trung bình như LGL (+6,92%), NHA (+5,15%), NDN (+4,95%), PDR (+3,84%), CEO (+3,00%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ với CII (-1,06%), TDC (-0,52%), IJC (-0,35%)..

Các cổ phiếu ngân hàng nhiều mã sau giai đoạn giảm mạnh cũng đã phục hồi tốt, thanh khoản gia tăng với KLB (+5,83%), TPB (+2,69%), ABB (+1,22%), MSB (+0,36%).... tuy nhiên mức độ phân hóa vẫn lớn với các mã chịu áp lực điều chỉnh như EIB (-1,13%), MBB (-0,81%), OCB (-0,76%)...

Thị trường phân hóa mạnh ở các nhóm ngành khi trong giai đoạn chờ thông tin kết quả kinh doanh quý III, các nhóm ngành vẫn có những cổ phiếu nổi bật, thanh khoản gia tăng như dầu khí PVT (+1,21%), PVD (+0,72%)... bất động sản khu công nghiệp với IDC (+4,51%), SIP (+3,80%), TIP (+1,98%)... bán lẻ DGW (+2,02%), PET (+1,85%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm 4,5 điểm (-0,39%), mức chênh lệch gia tăng âm -3,99 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tiếp tục giảm, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI biến động nhẹ. Diễn biến cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên vẫn giảm và có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở khi có nhiều vị thế sinh lợi ngắn hạn tốt. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -6,19 điểm đến -11,79 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng, cho thấy các trader lại nghiêng về khả năng điều chỉnh của VN30 và phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Xu hướng hồi phục chứng lại trong phiên hôm nay khi chốt phiên Vn-Index chỉ tăng điểm nhẹ +0,80 điểm (+0,07%) và đóng cửa ở 1.151,61 điểm. Như chúng tôi đã nhận định, đà tăng của thị trường đã chứng lại sau 4 phiên hồi phục mạnh và VnIndex chạm tới vùng cản tâm lý tại 1.150 điểm. Xu hướng ngắn hạn của VN-Index chưa thay đổi và vẫn đang trong nhịp hồi phục sau đợt điều chỉnh khá sâu vừa qua. Chúng tôi kỳ vọng đà hồi phục sẽ tiếp diễn đi kèm với sự phân hóa giữa các mã, nhóm mã và Vn-Index có thể kiểm định lại vùng 1.170 điểm trong thời gian tới.

Xu hướng trung hạn của thị trường vẫn đang vận động để tìm vùng cân bằng mới và tích lũy lại sau khi đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng tại 1.150 điểm và 1.135 điểm trước đó. Mặc dù thị trường không còn xu hướng uptrend nhưng vận động thị trường trong trung hạn vẫn mang tính chất tích cực bởi nền gốc và quá trình hình thành xu hướng uptrend trước đây là tin cậy.

Thị trường trong ngắn hạn sẽ có các nhịp hồi phục kỹ thuật, điều chỉnh đan xen để hướng tới đi ngang chặt chẽ dần đi kèm với sự phân hóa mạnh. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân trong các phiên điều chỉnh trước có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và theo dõi diễn biến thị trường. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, nếu cơ cấu tốt từ đầu sóng theo khuyến nghị của chúng tôi thì hiện tại danh mục trung - dài hạn vẫn vận hành hiệu quả và an toàn, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

12/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	51.00	43-45	55-57	41	12.8	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.70	13-14	17.5-18.2	12	4.7	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	49.40	46-48	57-59	43	7.5	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	26.50	24-25.6	29-30	22	10.3	1.2%	415.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	23.20	18.5-20	24-25	17.5	22.4	-21.8%	2.6%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	32.40	28-29.5	34-35	27	8.1	421.1%	294.5%	Theo dõi chờ giải ngân
DPM	38.95	38-38.7	44-46	35	6.1	-26.1%	-92.4%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	33.0	25.9	35-37	30	27.2%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	75.5	72.95	87-89	78	3.5%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	20.9	21.7	26-28	19	-3.6%	Nắm giữ
6/10/23	VHM	47.6	45	61-63	43	5.7%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ**

Biên bản cuộc họp tháng 9: Giới chức Fed nhất trí giữ lãi suất ở mức cao trong một thời gian

Hôm 11/10, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã công bố biên bản cuộc họp tháng 9. Biên bản cho thấy các quan chức Fed có ý kiến khác nhau về việc tăng lãi suất bổ sung, dù nhìn chung họ nhận thấy có thể sẽ có thêm một đợt tăng nữa. Mặc dù có ý kiến trái chiều về việc tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, các quan chức vẫn nhất trí ở một điểm. Đó là Fed cần duy trì lãi suất ở mức cao cho đến khi các nhà hoạch định chính sách tin tưởng lạm phát đang quay trở lại mức 2%. Biên bản lưu ý rằng tất cả thành viên của FOMC đều nhất trí sẽ “hành động cẩn thận” dựa trên các dữ liệu trong thời gian tới, thay vì đi theo một con đường đã được định sẵn.

HSBC: Việt Nam vẫn là quốc gia vượt trội trong ASEAN về thu hút FDI

Trong báo cáo vừa công bố, Ngân hàng HSBC đưa ra nhận định tích cực về triển vọng FDI của Việt Nam. "Bất chấp những thách thức mang tính chu kỳ trong thương mại, triển vọng FDI dài hạn của Việt Nam vẫn không bị ảnh hưởng. Mặc dù FDI đã giảm so với đỉnh năm 2017, một phần do bối cảnh tiền tệ toàn cầu thắt chặt hơn, Việt Nam vẫn là quốc gia vượt trội trong ASEAN về thu hút FDI, chỉ đứng sau Malaysia", HSBC cho hay. FDI là điểm sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam. 9 tháng đầu năm, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 20,21 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Giá vàng đồng loạt tăng mạnh

Sáng 12/10, giá vàng thế giới tăng mạnh, kéo theo giá vàng trong nước tiếp tục tăng. Giá vàng nhẫn tròn trơn lập kỷ lục, cao nhất kể từ cuối năm 2022 đến nay. Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn niêm yết giá vàng miếng SJC 69,2 - 69,9 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng (2 chiều mua vào và bán ra). Giá vàng nhẫn 56,4- 57,4 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 200.000 đồng/lượng chiều bán ra. Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết giá vàng miếng 68,85 - 69,75 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra).

Năm 2023, Chính phủ dự kiến vay 600.000 tỷ đồng với lãi suất cao hơn năm 2022

Báo cáo của Chính phủ cho biết, dự kiến nhu cầu huy động vốn từ các nguồn vay trong nước và vay ODA, vay ưu đãi năm 2023 khoảng 604.379 tỷ đồng (bằng 93,8% kế hoạch), lãi suất phát hành trái phiếu chính phủ và vay ODA đều cao hơn năm ngoái... Năm 2023, Quốc hội phê chuẩn tổng mức vay của ngân sách trung ương là 621.015 tỷ đồng; trong đó, vay để bù đắp bội chi ngân sách trung ương là 430.500 tỷ đồng (bằng 4,18% GDP), vay để trả nợ gốc ngân sách trung ương là 190.515 tỷ đồng. Chính phủ cũng phê duyệt vay về cho vay lại vốn vay ODA, ưu đãi nước ngoài của Chính phủ là 23.394 tỷ đồng.

TIN DOANH NGHIỆP

Quý 3 tệ nhất của Bac A Bank kể từ năm 2016

Theo BCTC hợp nhất vừa công bố, Ngân hàng TMCP Bắc Á (Bac A Bank, HNX: BAB) lãi trước thuế chỉ hơn 77 tỷ đồng trong quý 3/2023, giảm 73% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là mức lãi quý thấp nhất của Ngân hàng kể từ quý 1/2016. Riêng quý 3/2023, BAB có một quý khá “bết bát” khi tất cả hoạt động kinh doanh đều đi lùi so với cùng kỳ. Nguồn thu chính giảm 33%, còn hơn 426 tỷ đồng thu nhập lãi thuần. Hoạt động dịch vụ thu được hơn 23 tỷ đồng, giảm nhẹ 1%. Các nguồn thu phi tín dụng khác cũng đi lùi như lãi từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư (-45%), lãi từ hoạt động khác (-97%).

Công ty chứng khoán đầu tiên công bố báo cáo quý 3/2023: Lãi tăng 37% so với cùng kỳ năm trước, dư nợ margin tăng hơn 1.200 tỷ

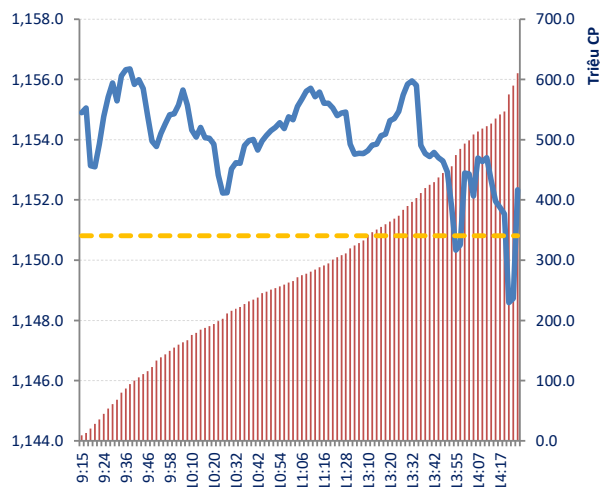
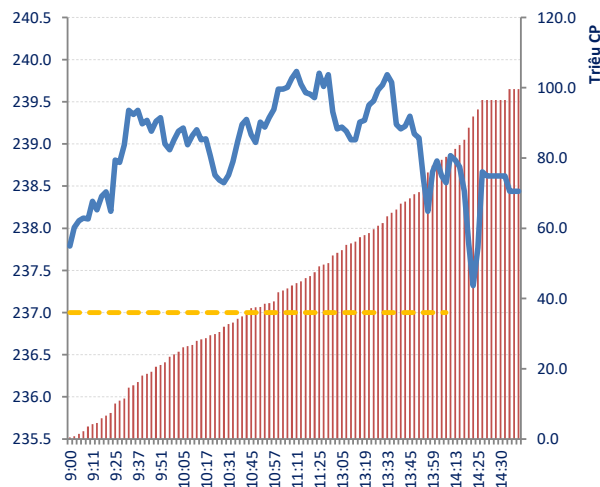
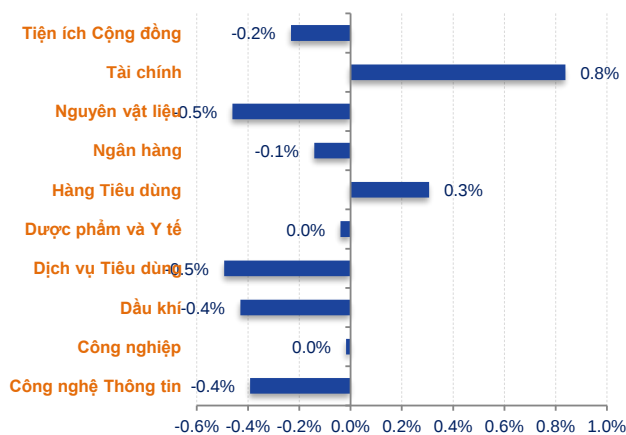
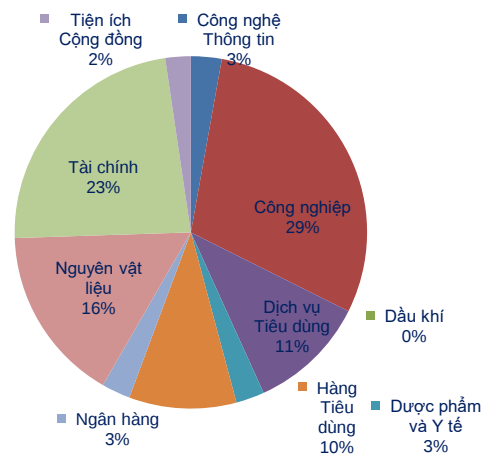
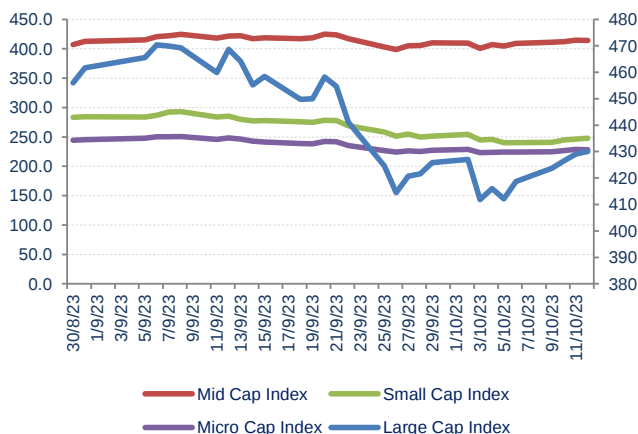
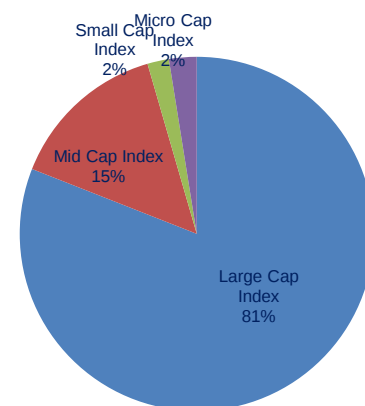
CTCP Chứng khoán MB (mã MBS) đã công bố BCTC quý 3/2023, ghi nhận doanh thu hoạt động đạt 539 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ. Trong đó đáng chú ý là doanh thu môi giới tăng trưởng 42% lên 214 tỷ đồng, đóng góp nhiều nhất vào tổng doanh thu. Trong khi đó, lãi cho vay và phải thu đạt 185 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm trước. Khoản lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) tăng mạnh 78% lên xấp xỉ 50 tỷ đồng. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) giảm 18% xuống 26 tỷ đồng. Kết quả, MBS báo lãi sau thuế quý 3/2023 đạt 166 tỷ đồng, tăng trưởng 37% so với thực hiện trong cùng kỳ năm 2022.

Doanh nghiệp bia đầu tiên báo lãi giảm trong quý 3

CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương (HABECO HD, HNX: HAD) chứng kiến lãi sau thuế quý 3/2023 giảm 31% so với cùng kỳ, xuống còn gần 4 tỷ đồng. Dù giảm lãi nhưng đây là kết quả khả quan nhất trong 3 quý vừa qua của Công ty. Trong quý 3/2023, HAD ghi nhận doanh thu thuần gần 63 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, giá vốn tăng mạnh hơn với 19%, chiếm hơn 43 tỷ đồng. Hệ quả, lãi gộp đi lùi 20% về còn 13 tỷ đồng. Biên lợi nhuận cũng giảm về 21%, từ mức 29% cùng kỳ.

City Auto chốt quyền trả cổ tức cổ phiếu 12%, chuẩn bị vận hành loạt showroom mới

Trong quý 3, City Auto cho biết công ty đã tiêu thụ 1.972 xe, đạt doanh thu 1.713 tỷ đồng – tăng trưởng 15% so với cùng kỳ. Ngày 12/10/2023 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu của CTCP City Auto (CTF), tỷ lệ thực hiện là 12%. Theo đó, City Auto sẽ phát hành thêm gần 9.6 triệu cổ phiếu, tăng vốn lên 894 tỷ đồng. Xét trong nhóm doanh nghiệp kinh doanh xe du lịch đang niêm yết - cùng với Savico (SVC), Haxaco (HAX) và G-Automobile (GMA) thì City Auto hiện không chỉ là doanh nghiệp có vốn điều lệ đứng đầu mà vốn hóa cũng lớn nhất, đạt hơn 2.600 tỷ đồng, nhỉnh hơn con số 2.300 tỷ của Savico. Tính từ đầu năm, CTF hiện cũng là mã duy nhất tăng giá trong khi cả 3 cổ phiếu cùng ngành đều giảm ít nhiều.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HHV	1,673,688	MWG	4,869,800	1	IDC	480,700	MBS	68,401
2	VCI	816,800	HPG	4,345,155	2	TIG	126,300	NVB	50,000
3	DGW	505,500	VPB	2,282,800	3	BVS	73,400	SD5	8,000
4	VRE	369,950	FUEVFVND	1,921,700	4	PVS	43,400	IPA	5,000
5	KDH	353,400	DHA	698,700	5	VIG	30,000	PVI	3,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	22.20	22.05	↓ -0.68%	24,685,400	SHS	18.20	18.10	↓ -0.55%	24,638,720
HPG	26.20	25.80	↓ -1.53%	23,114,300	CEO	20.00	20.60	↑ 3.00%	11,334,191
VIX	16.05	15.90	↓ -0.93%	20,955,700	IDC	48.80	51.00	↑ 4.51%	8,286,184
NVL	14.45	14.85	↑ 2.77%	20,381,600	HUT	23.10	23.50	↑ 1.73%	6,472,403
SSI	34.00	33.60	↓ -1.18%	18,258,201	PVS	39.40	39.00	↓ -1.02%	5,948,831

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	32.15	34.40	2.25	↑ 7.00%	VMS	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
HU1	9.21	9.85	0.64	↑ 6.95%	TSB	48.00	52.80	4.80	↑ 10.00%
LGL	4.19	4.48	0.29	↑ 6.92%	BPC	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
PIT	8.26	8.83	0.57	↑ 6.90%	TJC	11.10	12.20	1.10	↑ 9.91%
OGC	6.40	6.84	0.44	↑ 6.87%	DNC	37.80	41.50	3.70	↑ 9.79%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJD	19.15	15.80	-3.35	↓ -17.49%	SDU	36.00	32.40	-3.60	↓ -10.00%
CTF	32.40	30.00	-2.40	↓ -7.41%	BST	19.10	17.20	-1.90	↓ -9.95%
BMI	25.50	23.70	-1.80	↓ -7.06%	PHN	48.40	43.60	-4.80	↓ -9.92%
SPM	13.60	12.65	-0.95	↓ -6.99%	SDG	21.20	19.10	-2.10	↓ -9.91%
TDW	54.40	50.60	-3.80	↓ -6.99%	KHS	16.60	15.00	-1.60	↓ -9.64%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	24,685,400	3.9%	467	47.5	1.8
HPG	23,114,300	-2.0%	(328)	-	1.6
VIX	20,955,700	7.0%	839	19.1	1.3
NVL	20,381,600	-1.3%	(295)	-	0.6
SSI	18,258,201	7.3%	1,093	31.1	2.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	24,638,720	4.3%	507	35.9	1.5
CEO	11,334,191	7.7%	901	22.2	1.6
IDC	8,286,184	20.7%	3,969	12.3	2.6
HUT	6,472,403	1.3%	123	188.1	5.3
PVS	5,948,831	7.2%	1,953	20.2	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
COM	↑ 7.0%	-2.2%	(657)	-	1.1
HU1	↑ 6.9%	1.0%	153	60.0	0.6
LGL	↑ 6.9%	5.9%	769	5.4	0.3
PIT	↑ 6.9%	0.5%	45	183.5	1.0
OGC	↑ 6.9%	9.7%	349	18.3	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VMS	↑ 10.0%	7.8%	1,279	23.5	1.9
TSB	↑ 10.0%	4.7%	550	87.3	4.2
BPC	↑ 10.0%	1.6%	379	23.8	0.4
TJC	↑ 9.9%	23.2%	3,758	3.0	0.7
DNC	↑ 9.8%	32.4%	4,766	7.9	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HHV	1,673,688	3.6%	954	18.3	0.7
VCI	816,800	5.0%	783	53.6	2.5
DGW	505,500	20.5%	3,036	19.6	3.8
VRE	369,950	10.6%	1,588	17.0	1.7
KDH	353,400	7.5%	1,164	25.1	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	480,700	20.7%	3,969	12.3	2.6
TIG	126,300	7.6%	1,091	9.9	0.7
BVS	73,400	8.3%	2,576	10.3	0.8
PVS	43,400	7.2%	1,953	20.2	1.4
VIG	30,000	6.9%	487	17.2	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	483,456	23.0%	5,797	14.9	3.2
BID	212,458	19.0%	4,025	10.4	1.9
VHM	206,397	29.1%	10,341	4.6	1.2
GAS	197,520	20.3%	5,567	15.4	2.9
VIC	173,343	3.9%	1,395	32.6	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	20,617	1.3%	123	188.1	5.3
PVS	18,832	7.2%	1,953	20.2	1.4
IDC	16,104	20.7%	3,969	12.3	2.6
SHS	14,799	4.3%	507	35.9	1.5
THD	14,014	2.9%	458	79.4	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.54	-0.4%	(63)	-	0.7
EVG	3.57	1.3%	157	34.7	0.4
VPH	3.20	0.4%	39	208.7	0.8
LDG	2.99	-5.5%	(693)	-	0.3
LGL	2.96	5.9%	769	5.4	0.3

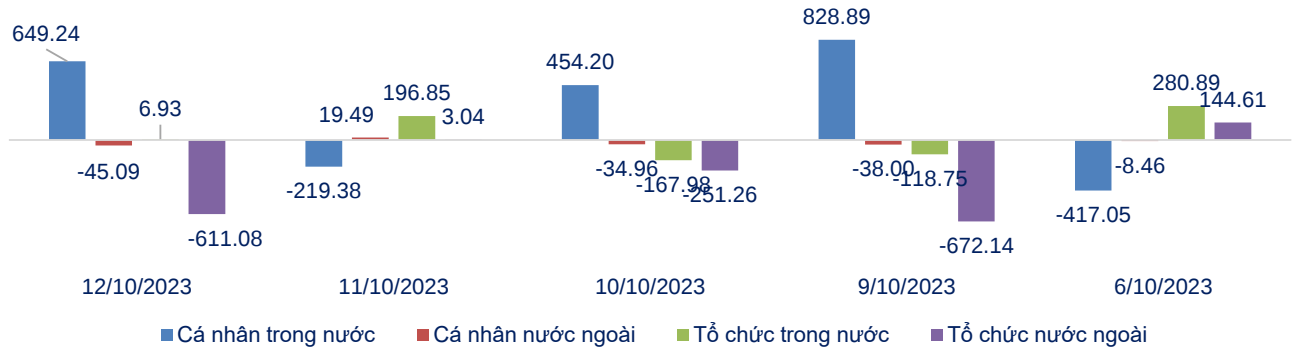
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.18	2.4%	261	82.3	2.0
VC2	3.08	3.9%	556	19.9	0.8
MST	2.79	8.1%	914	5.6	0.4
AAV	2.69	-1.4%	(169)	-	0.4
IDJ	2.65	5.8%	656	9.6	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	326.88	6.6%	1,069	46.1	3.1
HPG	181.44	-2.0%	(328)	-	1.6
VPB	53.39	11.1%	1,728	12.6	1.4
MSN	50.59	3.6%	919	80.3	2.8
DHA	33.60	19.2%	5,554	9.3	1.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	-54.92	5.0%	783	53.6	2.5
HHV	-31.32	3.6%	954	18.3	0.7
DGW	-30.68	20.5%	3,036	19.6	3.8
ACB	-25.51	24.1%	4,506	5.0	1.4
EIB	-23.16	12.2%	1,462	12.1	1.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	7.24	7.3%	1,093	31.1	2.3
HPG	5.43	-2.0%	(328)	-	1.6
HSG	2.75	-12.5%	(2,114)	-	1.2
VND	2.64	3.9%	467	47.5	1.8
HAH	2.25	20.6%	5,583	7.3	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DHA	-33.15	19.2%	5,554	9.3	1.8
CMG	-26.77	10.2%	2,103	23.3	2.3
GVR	-5.79	5.3%	714	29.0	1.5
VRE	-4.75	10.6%	1,588	17.0	1.7
PVD	-1.52	1.8%	449	62.0	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	45.61	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	27.01	23.9%	3,937	18.9	4.2
ACB	25.51	24.1%	4,506	5.0	1.4
EIB	23.88	12.2%	1,462	12.1	1.4
CTG	22.66	15.8%	3,664	8.1	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-89.23	6.6%	1,069	46.1	3.1
HPG	-68.63	-2.0%	(328)	-	1.6
STB	-26.35	17.2%	3,601	8.8	1.4
KBC	-19.47	17.8%	4,373	7.3	1.2
GEX	-16.80	1.6%	385	56.0	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	34.86	5.0%	783	53.6	2.5
DGW	30.48	20.5%	3,036	19.6	3.8
HHV	29.36	3.6%	954	18.3	0.7
VRE	14.85	10.6%	1,588	17.0	1.7
KDH	11.85	7.5%	1,164	25.1	1.7

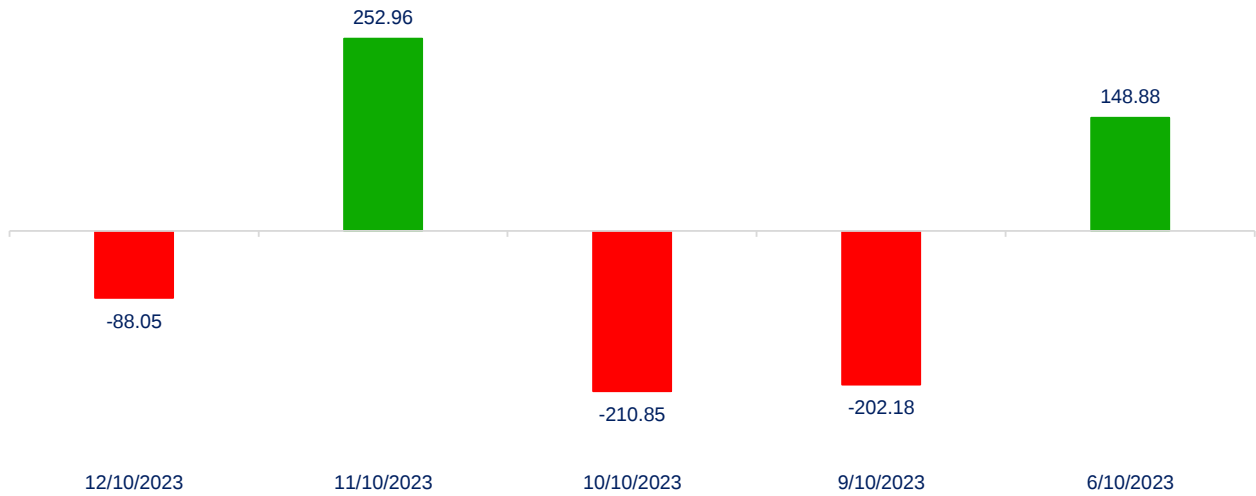
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-237.78	6.6%	1,069	46.1	3.1
HPG	-118.24	-2.0%	(328)	-	1.6
FUEVFVND	-50.84	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	-49.03	11.1%	1,728	12.6	1.4
MSN	-39.83	3.6%	919	80.3	2.8

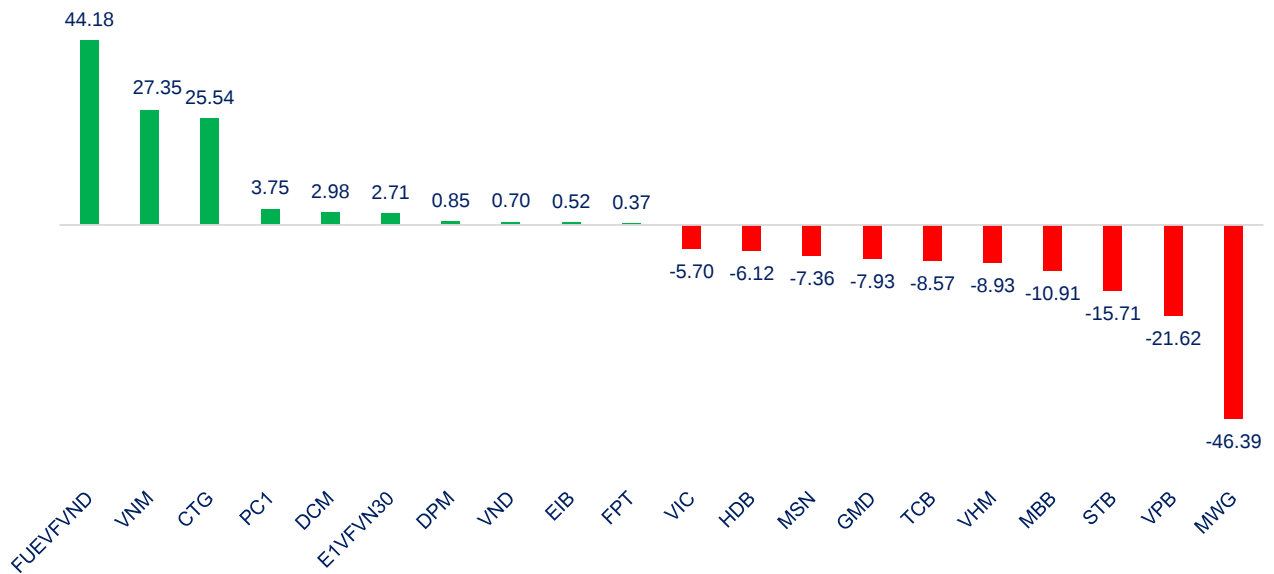


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn